

Bản án số: 326/2023/HS-PT

Ngày 25 – 5 – 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thanh

*Các thẩm phán:*

Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 345/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Xuân L và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:**

1. **Nguyễn Xuân L**, sinh năm 1971 tại Hà Tĩnh; nơi cư trú: Khu phố 5, phường PM, thành phố PRTC, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Giám đốc công ty TNHH xây dựng TG; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân DX (chết) và bà Nguyễn Thị LX; có vợ là Trần Thị HX và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 03/10/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam của Công an tỉnh Ninh Thuận; (có mặt);

+ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân L:* Luật sư Nguyễn Sỹ L1, Công ty Luật TNHH TT, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 04 TQD, Phường 13, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt);

+ *Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Nguyễn Xuân L:* Luật sư Nguyễn Trọng N – Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH MTV Đại luật HS, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

2. **Trần Thị Ng**, sinh năm 1971 tại Nghệ An; nơi cư trú: Thôn QT 3, xã PM, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn ChX và bà Lê Thị BX; có chồng là Phạm Văn KhX và 04

người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 09/9/2017 đến ngày 09/9/2022 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, *(có mặt)*;

*Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Trần Thị Ng: Luật sư Đỗ Hải B – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư QA thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).*

3. **Trần Thị Tr** (tên gọi khác: Th), sinh năm 1976 tại Ninh Thuận; nơi cư trú: Thôn LN 1, xã CN, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần ĐX (chết) và bà Lê Thị MX (chết); có chồng là Nguyễn HX (chết) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không, *(xin vắng mặt)*.

- *Các bị cáo bị kháng nghị:*

1. **Nguyễn Văn Th1** (tên gọi khác: Ch), sinh năm 1953 tại Ninh Thuận; nơi cư trú: Khu phố 6, phường TT, thành phố PRTC, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn ThX (chết) và bà Nguyễn Thị SX (chết); có vợ là Nguyễn Thị DX (chết) và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 08/9/2017 đến ngày 06/11/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, cho bảo lãnh, tại ngoại, *(vắng mặt)*;

2. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1969 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn QT 3, xã PM, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn ThX (chết) và bà Nguyễn Thị PhX, có vợ là Trần Thị Ng1 và có 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 09/9/2017 đến ngày 21/4/2022 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm, *(có mặt)*.

3. **Lê Văn K**, sinh năm 1987 tại Ninh Thuận; nơi cư trú: Thôn LS 2, xã CN, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm biên; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn SX (chết) và bà Nguyễn Thị NhX; có vợ là Đặng Thị Kim LX và có 03 người con; tiền án, tiền sự: Không, *(xin vắng mặt)*.

4. **Nguyễn Thành D**, sinh năm 1983 tại Ninh Thuận; nơi cư trú: Thôn LC 1, xã NS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành CX (chết) và bà Võ Thị Hồng NX; có vợ là Trần Thị N1 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 06/12/2017 đến ngày 21/4/2022 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm, *(xin vắng mặt)*.

Ngoài ra, trong vụ án còn các bị cáo Trần Thị N1 và Nguyễn Thị Anh K1 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

- *Tòa án triệu tập những người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*

1. Công ty TNHH xây dựng TG; địa chỉ: Đường N9, phường PM, thành phố PRTC, tỉnh Ninh Thuận.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Công L2, sinh năm 1953; địa chỉ: Căn hộ 1107, Tòa nhà B3C, khu chung cư NTY, quận CG, thành phố Hà Nội, *(có mặt)*.

2. Bà Trần Thị HX, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố 5, phường PM, thành phố PRTC, tỉnh Ninh Thuận, *(có mặt)*.

3. Ông Phạm Văn KhX, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn QT 3, xã PM, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận, *(vắng mặt)*.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh Th2 (con bị cáo Th1), sinh năm 1981. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường TT, thành phố PRTC, tỉnh Ninh Thuận, *(đã chết ngày 08/02/2023)*.

5. Bà Võ Thị N2, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn LC 1, xã NS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận, *(xin vắng mặt)*.

6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn LS 2, xã CN, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận, *(vắng mặt)*.

*+ Người làm chứng:*

1. Ông Đỗ Sỹ Tr, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 88, Thôn 11, xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng, *(xin vắng mặt)*.

2. Ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn LS 3, xã CN, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận, *(vắng mặt)*.

3. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố 15, thị trấn PD, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận, *(vắng mặt)*.

4. Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn LN 2, xã CN, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận, *(vắng mặt)*.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 08/9/2017, Công an huyện TN tuần tra kiểm soát tại QL1A thuộc địa bàn thôn VL 3, xã PN, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn Th1 đang điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Attila màu đỏ biển kiểm soát 85B1-18576 vận chuyển 36kg thuốc nổ để bán cho đối tượng Lê Văn K. Đến 18h30 cùng ngày, Công an huyện TN tiếp tục phát hiện bắt quả tang Trần Thị Ng1 đang điều khiển xe máy hiệu Future biển kiểm soát 85E1-02177 vận chuyển 05kg thuốc nổ để bán cho Nguyễn Văn Th1 tại địa điểm khu vực phía tây đồng muối QT thuộc thôn QT 3, xã PM.

Ngày 09/9/2017, Công an huyện TN khám xét khẩn cấp chỗ ở các đối tượng liên quan trên địa bàn thôn QT 3, xã PM, huyện TN, gồm: tại nhà ở của Trần Thị Ng1 phát hiện, thu giữ 03kg thuốc nổ; tại nhà của Trần Thị Ng phát hiện, thu giữ 254kg thuốc nổ; tại nhà của Trần Thị N1 phát hiện, thu giữ 232kg thuốc nổ.

Quá trình điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

### **1. Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Th1:**

Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2016 đến tháng 9/2017, Nguyễn Văn Th1 đã trực tiếp mua tổng cộng 153,8kg thuốc nổ của vợ chồng Nguyễn Thành D, Trần Thị N1 và vợ chồng Nguyễn Văn T, Trần Thị Ng1; cụ thể:

Từ tháng 4/2016 đến tháng 7/2017, Nguyễn Văn Th1 mua thuốc nổ của vợ chồng Nguyễn Thành D và Trần Thị N1 tổng cộng 07 lần với số lượng là 62,8kg thuốc nổ; cụ thể: Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2016, Th1 mua của D 05 lần, tổng cộng 12,8kg thuốc nổ (lần 1: 01kg giá 180.000đồng; lần 2: 01kg giá 160.000đồng; lần 3: 0,8kg giá 150.000đồng; lần 4: 05kg giá 200.000đồng; lần 5: 05kg giá 200.000đồng (riêng lần 4 và 5 Nguyễn Thành D không thừa nhận đã bán cho Th1). Từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2017, Th1 tiếp tục mua của D 02 lần, tổng cộng 20kg thuốc nổ (mỗi lần 10kg), giá 200.000đồng/01kg. Từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2017, Th1 còn giao dịch mua thuốc nổ của Trần Thị N1 (là vợ của Nguyễn Thành D, sinh năm 1982 ở Khu phố 5, phường PM, thành phố PRTC) 02 (hai) lần, tổng cộng 30kg (số thuốc nổ này do D trộm cắp của Công ty TNHH TG đem về để cho N1 bán); cụ thể: Lần 1: 10kg với giá 200.000đồng/01kg, địa điểm giao hàng tại khu vực gần Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận và lần 2: khoảng 20kg nhưng lần này Th1 không bán được nên yêu cầu Nguyễn Thị Anh K1 chở 20kg thuốc nổ trả lại cho N1 tại bến xe Bus Phan Rang và sau đó N1 chở số thuốc nổ trên về để tại nhà riêng ở Khu phố 5, phường PM và gọi điện cho D về lấy số thuốc nổ đó vứt xuống sông Dinh.

Ngoài ra, Nguyễn Văn Th1 khai nhận, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến ngày 08/9/2017, Th1 cùng với Nguyễn Thị Anh K1 đã mua bán với Nguyễn Văn T và Trần Thị Ng1 17 lần, tổng cộng 132kg thuốc nổ, trong đó: 05 lần Th1 vào nhà Ng1-T lấy thuốc nổ; 02 lần T giao thuốc nổ tại cây xăng cầu ĐL 1 và cây xăng gần cầu QT; 08 lần Th1 thuê Nguyễn Thị Anh K1 liên hệ Ng1 lấy và giao thuốc nổ cho người mua; 01 lần T trực tiếp giao 25kg thuốc nổ cho Th1 tại Chợ Mương Cát vào ngày 07/9/2017; 01 lần khác, T giao 11kg thuốc nổ cho Nguyễn Thị Anh K1 tại thị trấn PD, huyện NP. Tuy nhiên, T và Ng1 chỉ thừa nhận đã bán cho Th1 11 lần, tổng cộng 91kg thuốc nổ với giá từ 190.000đồng/kg (riêng lần bán thứ 9, 10, 11 với số lượng 41kg trị giá 7.790.000đồng, Th1 chưa giao tiền cho T và Ng1).

Toàn bộ số thuốc nổ mà Nguyễn Văn Th1 mua của vợ chồng Nguyễn Văn T, Trần Thị Ng1, Nguyễn Thành D, Trần Thị N1, Th1 khai nhận đã trực tiếp hoặc thuê Nguyễn Thị Anh K1 vận chuyển vào xã CN, huyện TN bán lại cho Lê Văn K ở thôn LS 2, xã CN 09 lần với số lượng 101kg (trong đó, có 08 lần bán trót lọt, tổng cộng 65kg; 01 lần đang vận chuyển 36kg bị phát hiện, bắt quả tang). Tuy nhiên, bị cáo Lê Văn K chỉ thừa nhận mua của Th1 06 lần, tổng cộng 57kg thuốc nổ, trong đó có 05 lần mua bán 37kg, riêng ngày 08/9/2017, Lê Văn K chỉ thừa nhận đã thỏa thuận mua bán 20kg trên điện thoại với Th1 nhưng chưa nhận được thuốc nổ thì công an huyện TN phát hiện bắt giữ Th1 đang vận chuyển 36kg thuốc nổ như đã nêu trên; cụ thể: Th1 trực tiếp giao bán cho Lê

Văn K 03 lần, tổng cộng 35kg thuốc nổ; thuê Nguyễn Thị Anh K1 chở đi giao bán 03 lần, tổng cộng 22kg thuốc nổ; Th1 trả tiền công cho Nguyễn Thị Anh K1 200.000đồng/01 chuyến.

Đồng thời, Th1 còn bán cho Trần Thị Tr tổng cộng 58kg thuốc nổ với giá 280.000đồng/1kg; cụ thể: Trần Thị Tr không trực tiếp đi nhận mà đã thuê Nguyễn Văn H1 là người chạy taxi nhận thay 05 lần/40kg, Trần Hữu Đ chạy xe ôm nhận thay 02 lần/8kg, Lê Văn K nhận thay 02 lần/10kg, sau đó Tr trả tiền công vận chuyển (Nguyễn Văn H1, Trần Hữu Đ, Lê Văn K cũng không biết hàng vận chuyển là thuốc nổ). Tuy nhiên, Trần Thị Tr không thừa nhận hành vi mua bán thuốc nổ của mình, Tr chỉ khai nhận tháng 7/2016 có mua thuốc nổ của Th1 02 lần, tổng cộng 10kg (mỗi lần 05kg) với giá 280.000đồng/01kg và bán cho các đối tượng ở xã CN với giá 400.000đồng/1kg, như vậy Tr thu lợi bất chính số tiền là 1.200.000đồng.

Tổng số thuốc nổ Th1 đã mua của các đối tượng trên là 153,8kg, với giá từ 150.000đồng đến 200.000đồng/1kg và bán lại với giá 280.000đồng/1kg, như vậy sau khi bán Th1 đã thu lợi bất chính 9.480.000đồng.

## **2. Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T:**

Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2017 đến ngày 8/9/2017, Nguyễn Văn T cùng vợ là Trần Thị Ng1 đã giao dịch mua bán thuốc nổ với Nguyễn Văn Th1 và Trần Thị Tr tổng cộng 13 lần với số lượng 111kg thuốc nổ; cụ thể: Bán cho Nguyễn Văn Th1 11 lần, tổng số lượng là 91kg thuốc nổ với giá 190.000đồng/01kg (riêng lần bán thứ 9, 10, 11 với số lượng 41kg, Th1 chưa giao số tiền: 7.790.000đồng cho T và Ng1), thu lợi bất chính 9.500.000đồng. Bán cho Trần Thị Tr 02 lần, tổng cộng 20kg, mỗi lần 10kg với giá 200.000đồng/01kg (số lượng thuốc nổ này do Nguyễn Văn H1 đi lấy giao cho Tr, riêng lần bán thứ 2 với số lượng 10kg, Tr chưa giao số tiền: 2.000.000đồng cho T và Ng1), thu lợi bất chính 2.000.000 đồng. Tổng số lượng thuốc nổ T, Ng1 bán cho Th1 và Tr là 111kg, thu lợi bất chính 11.500.000đồng.

Trong quá trình điều tra ban đầu, T khai số thuốc nổ này vợ chồng T, Ng1 mua của Trần Thị N1 với giá 100.000đồng/kg, nhưng sau đó T lại khai nhận thuốc nổ vợ chồng T bán cho Th1, Tr lấy trộm từ nhà Trần Thị N1.

## **3. Hành vi phạm tội của Trần Thị Ng1:**

Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2017 đến ngày 8/9/2017, Ng1 khai nhận đã lấy trộm thuốc nổ từ nhà của Trần Thị N1 và cùng chồng là Nguyễn Văn T đã giao dịch mua bán thuốc nổ với Nguyễn Văn Th1 và Trần Thị Tr tổng cộng 13 lần với số lượng 111kg thuốc nổ; cụ thể: Bán cho Nguyễn Văn Th1 11 lần, tổng số lượng là 91kg thuốc nổ với giá 190.000đồng/01kg (riêng lần bán thứ 9, 10, 11 với số lượng 41kg, Th1 chưa giao số tiền: 7.790.000đồng cho T và Ng1), thu lợi bất chính 9.500.000đồng. Bán cho Trần Thị Tr 02 lần, tổng cộng 20kg thuốc nổ, mỗi lần 10kg với giá 200.000đồng/01kg, số lượng thuốc nổ này do Nguyễn Văn H1 đi lấy giao cho Tr (riêng lần bán thứ 2 với số lượng 10kg, Tr chưa giao số tiền: 2.000.000đồng cho T và Ng1), thu lợi bất chính 2.000.000 đồng. Trong đó, Ng1 trực tiếp giao bán 06 lần, tổng cộng 35kg thuốc nổ. Ngoài ra, Trần Thị Ng1 còn tàng trữ trái phép tại nhà 03kg thuốc nổ. Tổng số lượng

thuốc nổ mà Trần Thị Ng1 cùng chồng là Nguyễn Văn T bán cho Th1 và Tr là 13 lần với số lượng 114kg, thu lợi bất chính 11.500.000đồng.

#### **4. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thành D:**

Duy là chồng của Trần Thị N1. D biết công ty TNHH TG do Nguyễn Xuân L làm giám đốc có thuốc nổ để sử dụng thi công các tuyến đường nên D đã lấy trộm cắp thuốc nổ để bán cho Nguyễn Văn Th1. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2016 đến tháng 5/2017, D đã bán cho Nguyễn Văn Th1 tổng cộng 52,8kg thuốc nổ; cụ thể: Tháng 4/2016 với số lượng là 2,8kg (lần 1: 01kg giá 180.000đồng; lần 2: 01kg giá 160.000đồng; lần 3: 0,8kg giá 150.000đồng); từ tháng 2/2017 đến tháng 5/2017, Nguyễn Thành D bán cho Nguyễn Văn Th1 50kg. Trong đó, D trực tiếp bán cho Th1 02 lần, tổng số lượng là 20kg, mỗi lần 10kg với giá là 200.000đồng/kg. Ngoài ra, D lấy trộm 30kg để N1 đi bán cho Th1 (trong đó có 20kg trả lại vì bị hư hỏng). Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 4.460.000đồng, D đã tác động gia đình nộp lại số tiền này (do bà Võ Thị N2, mẹ bị cáo nộp) trong quá trình điều tra bổ sung.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn Th1 khai vào khoảng tháng 6 và tháng 7 năm 2016, Th1 đã 02 lần mua 10kg thuốc nổ của D nhưng D không thừa nhận nên Cơ quan An ninh điều tra không xử lý đối với D về những lần mua bán này.

#### **5. Hành vi phạm tội của Trần Thị N1:**

Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2017 đến tháng 6/2017, N1 đã trực tiếp bán cho ông Nguyễn Văn Th1 02 lần với số lượng thuốc nổ là 30kg với giá 200.000đồng/01kg (số lượng thuốc nổ này do chồng của N1 là Nguyễn Thành D lấy trộm từ Công ty TNHH xây dựng TG; trong đó có 20kg Th1 trả lại vì bị hư hỏng), thu lợi bất chính 2.000.000đồng. Quá trình điều tra, N1 khai có cho Trần Thị HX gửi nhờ nhưng không chứng minh được. Quá trình thi hành án, N1 đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000đồng.

#### **6. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Anh K1:**

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2017, Nguyễn Thị Anh K1 khai nhận, được Nguyễn Văn Th1 thuê liên hệ mua với Nguyễn Văn T và Trần Thị Ng1 để vận chuyển thuốc nổ bán cho Lê Văn K và Trần Thị Tr 08 lần, tổng cộng 50kg thuốc nổ, mỗi lần vận chuyển giao bán thuốc nổ cho Th1 được trả công 200.000đồng/01chuyến với số tiền công là 1.600.000đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Văn T và Trần Thị Ng1 chỉ thừa nhận đã bán cho Nguyễn Thị Anh K1 tổng cộng 5 lần với số lượng 30kg thuốc nổ nên chỉ có cơ sở để truy cứu trách nhiệm đối với Nguyễn Thị Anh K1 đồng phạm cùng với Nguyễn Văn Th1 về hành vi mua bán 5 lần với số lượng 30kg thuốc nổ, thu lợi bất chính 1.000.000đồng. Sau đó, Nguyễn Thị Anh K1 vận chuyển giao cho Lê Văn K ở xã CN 03 lần, tổng cộng 22kg thuốc nổ; vận chuyển giao bán cho Trần Thị Tr (Th) 02 lần, tổng cộng 8kg thuốc nổ (người nhận thuốc nổ thay cho Tr là Trần Hữu Đ (Q)).

Quá trình thi hành án, Nguyễn Thị Anh K1 đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.000.000đồng.

## **7. Hành vi phạm tội của Lê Văn K:**

Trong khoảng tháng 7/2017, K liên hệ mua thuốc nổ của Nguyễn Văn Th1 06 lần, tổng số lượng là 57kg thuốc nổ, giá 300.000đồng/kg. Trong đó có 05 lần mua bán 37kg, riêng ngày 08/9/2017, Lê Văn K chỉ thừa nhận đã thỏa thuận mua bán 20kg trên điện thoại với Th1 nhưng chưa nhận được thuốc nổ thì công an huyện TN phát hiện bắt giữ Th1 đang vận chuyển 36kg thuốc nổ như đã nêu trên. Trong đó, Lê Văn K trực tiếp mua của Nguyễn Văn Th1 03 lần, tổng cộng 35kg thuốc nổ; mua của Nguyễn Thị Anh K1 03 lần, tổng cộng 22kg thuốc nổ. Sau đó, K bán lại cho số ngư dân tại địa phương với giá là 480.000đồng/kg, hưởng lợi là 180.000đồng/kg. Tổng số tiền Lê Văn K thu lợi bất chính là 6.660.000 đồng.

Cũng trong khoảng thời gian vào trước tháng 7/2016, Lê Văn K đã chở thuê cho Trần Thị Tr 02 lần, tổng cộng 10kg thuốc nổ. Số thuốc nổ này, Tr mua của Nguyễn Văn Th1, sau đó điện thoại cho Lê Văn K đến nhận hàng và giao cho Tr. Số tiền vận chuyển Tr trả cho K là 400.000đồng. Do lúc này Lê Văn K không biết số hàng chở cho Tr là thuốc nổ nên Cơ quan An ninh điều tra không xử lý là có cơ sở.

## **8. Hành vi phạm tội của Trần Thị Tr (Th):**

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2016 đến khoảng tháng 8 năm 2017, Trần Thị Tr có mua bán tổng cộng 78kg thuốc nổ với giá 280.000đồng/kg; cụ thể: Trần Thị Tr liên hệ với Nguyễn Văn Th1 mua 9 lần, tổng số lượng 58kg thuốc nổ; mua Nguyễn Văn T 02 lần, tổng cộng 20kg thuốc nổ nhưng Tr không trực tiếp đi nhận mà đã thuê Nguyễn Văn H1 là người chạy taxi nhận thay 07 lần/60kg, Trần Hữu Đ chạy xe ôm nhận thay 02 lần/8kg, Lê Văn K nhận thay 02 lần/10kg, sau đó Tr trả tiền công vận chuyển. Mặc dù, Trần Thị Tr không thừa nhận hành vi mua bán thuốc nổ của mình, Tr chỉ khai nhận tháng 7/2016 có mua thuốc nổ của Th1 02 lần, tổng cộng 10kg (mỗi lần 05kg) với giá 280.000đồng/kg. Qua khai thác các lời khai của các đối tượng mua, bán, vận chuyển thuê cho Tr như Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Thị Anh K1, Nguyễn Văn T, Trần Thị Ng1 (người bán thuốc nổ cho Tr); Lê Văn K, Trần Hữu Đ và Nguyễn Văn H1 (người vận chuyển) đều thừa nhận mua bán và vận chuyển, nhận hàng và giao hàng và thường xuyên điện thoại trao đổi với Tr có nhật ký điện thoại do VNPT cung cấp. Trên cơ sở những chứng cứ do Cơ quan An ninh điều tra điều tra thu thập đủ căn cứ để chứng minh Trần Thị Tr có mua bán tổng cộng 78kg thuốc nổ với giá 280.000đồng/kg.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra chỉ chứng minh được Trần Thị Tr bán lại 10kg cho các đối tượng ở xã CN với giá 400.000đồng/kg, Tr thu lợi bất chính số tiền là 1.200.000đồng.

## **9. Hành vi phạm tội của Nguyễn Xuân L:**

Nguyễn Xuân L là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng TG là Công ty được cấp giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp được Sở Công thương tỉnh Ninh Thuận và Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Ninh Thuận cấp các loại giấy chứng nhận, giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp để thi công các tuyến đường PD-PT huyện BA. Ngày 30/8/2017,

Nguyễn Xuân L đã liên hệ mua 600kg thuốc nổ công nghiệp, loại nhũ tương tại kho vật liệu nổ công nghiệp LH – TB tỉnh Ninh Thuận của Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng thuộc Bộ Quốc phòng. Sau khi mua về, L chỉ sử dụng hết 114kg thuốc nổ. Số thuốc nổ còn lại là 486kg, L đã sử dụng xe bán tải nhãn hiệu Isuzu, biển kiểm soát 85C-00676 vận chuyển trái phép từ công trường thi công tuyến PD-PT thuộc huyện BA đến gửi ở nhà Trần Thị Ng ở thôn QT 3, xã PM, huyện TN với mục đích là cất để dành thi công công trình. Trong quá trình điều tra, L thừa nhận đã buông lỏng quản lý để người thân lợi dụng, lén lút lấy thuốc nổ ra ngoài bán thu lợi bất chính.

#### **10. Hành vi phạm tội của Trần Thị Ng:**

Vào ngày 30/8/2017, Nguyễn Xuân L đã sử dụng xe bán tải nhãn hiệu Isuzu, biển kiểm soát 85C-00676 vận chuyển 486kg thuốc nổ công nghiệp, loại nhũ tương, đến gửi tại nhà Trần Thị Ng với mục đích là cất để dành thi công công trình. Ng biết rõ số lượng hàng L gửi là thuốc nổ nhưng vẫn đồng ý tàng trữ trái phép số thuốc nổ trên. Ng cất giấu tại nhà Ng số lượng 254kg thuốc nổ. Ngày 01/9/2017, biết nhà Trần Thị N1 là em gái cách nhà Ng khoảng 12m không có người sử dụng, đóng cửa để không, chìa khóa do mẹ của Ng đang giữ, Ng sang mượn chìa khóa nhà, sau đó Ng đã dùng xe đạp điện của con gái mình vận chuyển 232kg còn lại sang nhà Trần Thị N1 để cất giấu. Khi khám xét khẩn cấp, Công an huyện TN, tỉnh Ninh Thuận phát hiện và thu giữ tại nhà Ng là 254kg thuốc nổ, tại nhà N1 là 232kg thuốc nổ.

Tại bản Kết luận giám định số 3092/C54B ngày 11/9/2017 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định giám định của cơ quan cảnh sát điều tra vào ngày 10/9/2017, xác định các mẫu vật gửi giám định là thuốc nổ công nghiệp, loại nhũ tương, thành phần chính là Amoni Nitrat ( $\text{NH}_4\text{NO}_3$ ), thường dùng để phá đá, mở đường và kết quả giám định phục hồi, trích xuất các dữ liệu trong điện thoại di động của các bị cáo và số đối tượng liên quan có căn cứ xác định giữa họ có liên hệ giao dịch mua bán thuốc nổ với nhau như lời khai nhận của các bị cáo.

#### **- Quá trình điều tra đã thu giữ vật chứng vụ án gồm:**

+ 530kg thuốc nổ công nghiệp, loại nhũ tương.

+ 01 (một) xe máy Future, màu nâu, biển kiểm soát: 85E1-02177, số máy: JC53E-004787; số khung: 5309CY-004655 và 01 (một) điện thoại di động Oppo F1s màu vàng đồng. Số Emei: 863897039490250, có 2 găng thẻ sim thuê bao: 01295889209 và 0981423487 của Nguyễn Văn T;

+ 01 (một) xe ô tô hiệu Isuzu, màu xám, biển kiểm soát: 85C-00676, số máy: JB2290, số khung: TFS85HBH545931 của Công ty TNHH xây dựng TG (chiếc xe ô tô trên là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Xuân L và Trần Thị HX, hiện đang là tài sản thế chấp vay số tiền 300.000.000đồng của Ng1 hàng Agribank chi nhánh tỉnh Ninh Thuận).

+ 01 (một) điện thoại di động SamSung Galaxy Ace (CT – S5830i) màu đen. Số Emei: 355836055887507, có găng thẻ sim thuê bao: 0917394882 của Nguyễn Văn Th1.



+ 01 (một) điện thoại di động SamSung Galaxy J1 (SM – 5100H) màu trắng. Số Emei: 354467071100476, có 2 gấn thẻ sim thuê bao: 0971631088 và 0916078498 của Trần Thị Ng1.

+ 01 (một) điện thoại di động SamSung Galaxy On7 (SM – G600FX) màu vàng. Số EMEI: 358692070296225, có 2 gấn thẻ sim thuê bao: 01698601752 và 0981296976 của Trần Thị Ng.

+ 01 (một) điện thoại di động SamSung (GT – E1200Y) màu trắng. Số Emei: 359831/06/922740/8, có gấn thẻ sim số: 01255420747 của Nguyễn Thị Anh K1.

+ 01 (một) điện thoại di động Oppo F3 màu vàng đồng. Số IMEI1: 865251033573414, IMEI2:865251033573406, số sêri: NRGY5906 DUIFZPRK, gấn 02 (hai) thẻ sim số 0933595685 và 0918824095 của Nguyễn Xuân L.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, RH-130, màu hồng. Số Sêri: 355195059896976, có gấn 01 thẻ sim số: 0913184303 của Nguyễn Văn H1.

+ 01 (một) điện thoại di động FPT Buk10; IMEI 1: 980018006690503; IMEI 2: 980018006721100, có gấn 01 thẻ sim số: 01662651875 của Nguyễn Thành D.

+ 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280, màu đen; số IMEI: 352431105167096210, bên trong có gấn thẻ sim: 0912142391 của Trần Thị Tr.

+ Một số giấy tờ liên quan thành lập, hoạt động của Công ty TNHH xây dựng TG (bản photo).

Ngày 23/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đưa vụ án Nguyễn Xuân L cùng đồng phạm ra xét xử về tội: “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo Điều 232 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo gồm: Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng và Trần Thị Tr kháng cáo kêu oan; các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành D và Lê Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Thị Anh K1 và bị cáo Trần Thị N1 không kháng cáo, hiện nay đã chấp hành xong án phạt tù và các khoản thi hành khác của Bản án sơ thẩm, hiện đã trở về đang sinh sống tại địa phương.

Ngày 21/7/2020, Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm tuyên hủy Bản án sơ thẩm số 12/2018/HS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận và trả hồ sơ để điều tra lại, với những lý do sau:

+ Yêu cầu Trung cầu giám định lại hàm lượng các mẫu vật (thuốc nổ) đã thu giữ chưa xác định cụ thể tỷ lệ khối lượng Amoni nitrat NH4NO3 là bao nhiêu và tỷ lệ chất làm dẻo là bao nhiêu, để quy kết chính xác trách nhiệm.

+ Nguyễn Xuân L khai rằng giấy phép vận chuyển được cấp vào ngày 30/8/2017 thời hạn cấp vận chuyển trong ngày, hôm đó trời mưa nên công trường không thể hoạt động hết thuốc nổ, do đó chỉ sử dụng hết 114kg, còn lại 486kg, do không thể để ngoài trời mưa nên bị cáo chở về nhà bà Trần Thị Ng để

cất giữ. Cho rằng Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ về thời tiết ngày hôm đó.

+ Bị cáo Trần Thị Tr khai thời gian xảy ra vụ việc bị cáo không có mặt tại Ninh Thuận mà sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra không thực hiện việc xác minh, thu thập chứng cứ liên quan đến thời gian cư trú của bị cáo nên chưa phù hợp với Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ thu thập được trong suốt quá trình điều tra vụ án và kết quả điều tra lại đối với 03 lý do mà Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu điều tra lại, ??? đã bổ sung như sau:

*\* Đối với lý do, yêu cầu Trung cầu giám định lại các mẫu vật:*

- Tại Công văn số: 26/CV/C09G ngày 29/12/2020 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Trong kết luận giám định xác định mẫu vật gửi giám định là thuốc nổ nhũ tương, nếu thiếu một trong hai thành phần Amoni nitrat  $\text{NH}_4\text{NO}_3$  hoặc chất làm dẻo thì không tạo thành thuốc nổ. Hiện nay, Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh không đủ khả năng, điều kiện để giám định “*Tỷ lệ khối lượng Amoni nitrat  $\text{NH}_4\text{NO}_3$  là bao nhiêu và tỷ lệ chất làm dẻo là bao nhiêu trong mẫu giám định*”.

- Tại Công văn số 432/CKHC13-CT ngày 23/01/2021, Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí hoá chất 13 thuộc Tổng cục công nghiệp Quốc phòng đã kết luận như sau:

+ Mẫu vật (02 thỏi hình trụ) và bản ảnh chụp tang vật vụ án là thuốc nổ nhũ tương – NT13 do Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí hoá chất 13 sản xuất vào năm 2017.

+ Kết quả phân tích thành phần thuốc nổ trong mẫu vật (có phiếu báo kết quả thử nghiệm kèm theo); theo đó đã kết luận: 02 thỏi hình trụ phân tích là thuốc nổ nhũ tương.

+ Nếu thiếu một trong hai thành phần gồm: Amoni nitrat  $\text{NH}_4\text{NO}_3$  và chất làm dẻo chất này thì không phải là thuốc nổ nhũ tương.

- Tại Công văn số 2486/CKHC13-KTCN ngày 17/5/2021, Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí hoá chất 13 thuộc Tổng cục công nghiệp Quốc phòng có nội dung kết luận: Tỷ lệ phần trăm thành phần thuốc nổ nhũ tương tại thời điểm kiểm tra, phân tích có thay đổi so với tiêu chuẩn sản xuất thuốc nổ nhũ tương của Công ty vào năm 2017. Nguyên nhân là do mẫu thuốc nổ thời điểm gửi Công ty phân tích (ngày 23/01/2021) đã quá hạn sử dụng, do các yếu tố về bao gói bảo quản sản phẩm, điều kiện bảo quản dẫn đến sự phân huỷ hoặc biến đổi các chất trong thuốc nổ. Thuốc nổ quá hạn và thành phần các chất trong thuốc nổ thay đổi có thể làm thay đổi tính chất, giảm khả năng nổ và tính năng của thuốc nổ nhũ tương.

- Tại Công văn số 10/GĐKTHS-P11 ngày 22/01/2021, Phòng Giám định khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng thông báo: Từ chối tiếp nhận giám định, với lý do chưa có giám định viên thực hiện giám định về cháy, nổ.

Như vậy, kết quả phân tích thành phần thuốc nổ của Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí hoá chất 13 thuộc Tổng cục công nghiệp Quốc phòng phù hợp với Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định toàn bộ 486kg thuốc nổ thu được của bị cáo Nguyễn Xuân L là loại thuốc nổ nhũ tương.

\* *Đối với bị cáo Trần Thị Ng1*: Quá trình điều tra lại, ngày 11/01/2021, Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định phục hồi điều tra bị cáo đối với Trần Thị Ng1 về tội “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ*” được quy định tại Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999 để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật. Nhưng sau khi phục hồi điều tra đối với bị cáo Trần Thị Ng1 có dấu hiệu không đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

- Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 319/KL-VPYTW ngày 12/5/2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hoà kết luận: Hiện nay Trần Thị Ng1 bị mất năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Ngày 20/5/2021, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị cáo đối với bị cáo Trần Thị Ng1; đồng thời, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS-P2 ngày 11/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân L về tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” theo điểm a khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Trần Thị Ng về tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*” theo điểm a khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999; các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Trần Thị Tr về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo điểm a khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999; các bị cáo Lê Văn K, Nguyễn Thành D, Trần Thị N1 và Nguyễn Thị Anh K1 về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 21/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:*

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân L phạm tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*”; bị cáo Trần Thị Ng phạm tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*”, các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Trần Thị Tr, Lê Văn K, Nguyễn Thành D phạm tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 232; điểm g, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Xuân L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/10/2017.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 232; điểm g, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Ng 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2017.

- Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 232; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Th1 03 (ba) năm 01 tháng 27 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2017.

+ Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm 07 tháng 12 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2017. Trả tự do cho bị cáo T.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 232; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành D 04 (bốn) năm 04 tháng 15 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2017. Trả tự do cho bị cáo D.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 232; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn K 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án (21/4/2022).

Giao bị cáo K về UBND xã CN, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận tiếp tục giám sát giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 232; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Tr 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử phạt bị cáo Trần Thị N1 03 (ba) năm tù và bị cáo Nguyễn Thị Anh K1 02 (hai) năm tù về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*”; quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng; quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-P2 kháng nghị một phần Bản án số 06/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Xuân L về tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” theo điểm a khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Trần Thị Ng về tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*” theo điểm a khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Lê Văn K về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Trần Thị Tr, Lê Văn K, Nguyễn Thành D theo đúng quy định pháp luật. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Tr về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo điểm a

khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Bản án sơ thẩm số 12/2018/HSPT ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là Quyết định kháng nghị hoặc kháng nghị).

Ngày 05/5/2022, các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng có đơn kháng cáo kêu oan. Ngày 07/5/2022, bị cáo Trần Thị Tr có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

+ Các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo L phạm tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” và bị cáo Ng phạm tội “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ” theo điểm a khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng, không oan cho các bị cáo nên các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

+ Bị cáo có kháng cáo Trần Thị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

+ *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:*

Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là đúng tội danh. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng cũng đã thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo L phạm tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” và bị cáo Ng phạm tội “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ” theo điểm a khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng, không oan cho các bị cáo. Tuy nhiên, đây là vụ án vận chuyển, tàng trữ và mua bán trái phép vật liệu nổ có quy mô lớn với tính chất đặc biệt nghiêm trọng, số lượng thuốc nổ được thu giữ đặc biệt lớn 530kg. Vụ án có nhiều đối tượng tham gia, diễn ra trong thời gian dài, gây bức xúc trong nhân dân và ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Từ đó thấy rằng, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Lê Văn K, Nguyễn Thành D và Trần Thị Tr là còn nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, không đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng và Trần Thị Tr; chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Xuân L và bị cáo Trần Thị Ng, tăng mức hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L mức án từ 10 đến 12 năm tù, bị cáo Trần Thị Ng từ 09 đến 11 năm tù, bị cáo Nguyễn Văn Th1 từ 04 đến 05 năm tù, bị cáo Nguyễn Văn T từ 05 đến 06 năm tù, không cho bị cáo Lê Văn K được hưởng án treo và xử phạt bị cáo K mức án từ 03 đến 04 năm tù, xử phạt Nguyễn Thành D mức án từ 05 đến 06 năm tù; riêng bị cáo Trần Thị Tr có đủ căn cứ xác định bị cáo Tr đã mua bán trái phép 78kg thuốc nổ nên đề nghị xử phạt bị cáo Tr mức án từ 03 đến 04

năm tù về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo điểm a khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân L, Luật sư Nguyễn Trọng N trình bày:* Bị cáo L chở thuốc nổ về nhà bị cáo Trần Thị Ng là để bảo quản do trời mưa. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo L kháng cáo kêu oan, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nhận tội, tỏ rõ sự ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân L, Luật sư Nguyễn Sỹ L trình bày:* Trong vụ án này bị cáo L phạm tội độc lập, nhưng Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng quy định đồng phạm với các bị cáo khác trong vụ án là không đúng. Do ngày 30/8/2017 trời mưa dẫn đến việc Công ty của bị cáo L không dùng hết số lượng thuốc nổ đã mua, nên bị cáo L phải chở số thuốc nổ này đến cất giữ ở nơi an toàn nhất là nhà bị cáo Trần Thị Ng. Sau ngày 30/8/2017 là những ngày nghỉ lễ Quốc khánh 02/9 nên Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quy định không được nổ mìn, thủ tục trả lại thuốc nổ lại rất phức tạp, nên bị cáo L đã bỏ bê, không kịp xử lý số thuốc nổ này theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng cho bị cáo L tình tiết này để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và bác Kháng nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo L.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ng, Luật sư Đỗ Hải B trình bày:* Khi bị cáo Nguyễn Xuân L chở thuốc nổ đến nhà bị cáo Trần Thị Ng cất giữ thì bị cáo Ng không biết đây là thuốc nổ vì bị cáo L chỉ nói là chở hàng đến gửi. Bị cáo L là em rể của bị cáo Ng nên bị cáo Ng tin tưởng, không kiểm tra. Sau đó vài ngày thì bị cáo Ng mới biết hàng mà bị cáo L chở đến gửi là thuốc nổ, bị cáo Ng sợ quá mới tìm cách chuyển bớt sang nhà em gái là Trần Thị N1, vì nhà này không có người sử dụng, đóng cửa bỏ không, là nhằm để đảm bảo an toàn. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Ng 05 (năm) năm tù là do đã có xem xét đến ý thức chủ quan của bị cáo Ng như trên. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Thị Ng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng do thời gian bị cáo Ng bị tạm giam đã bằng với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Ng.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đối đáp:*

Do Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân L nghe không rõ, nên cho rằng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng đối với bị cáo L quy định đồng phạm với các bị cáo khác trong vụ án. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm không phát biểu như vậy mà chỉ cho rằng, việc bị cáo L thực hiện hành vi vận chuyển trái phép vật liệu nổ cũng là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo khác.

Việc đánh giá mức án nặng, nhẹ của từng bị cáo là trên cơ sở quy định của pháp luật, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị như trên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng, Trần Thị Tr và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận thực hiện trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng thay đổi, bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là thực hiện một trong những quyền của người kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm, cùng với việc xem xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Tr và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị Trần Thị Tr có đơn xin vắng mặt; các bị cáo bị kháng nghị Lê Văn K và Nguyễn Thành D cũng có đơn xin vắng mặt; bị cáo bị kháng nghị Nguyễn Văn Th1 vắng mặt không có lý do. Xét việc vắng mặt của các bị cáo Tr, Th1, K, D và việc vắng mặt của những người khác (đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa) không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 531 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định;

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo Nguyễn Xuân L và bị cáo Trần Thị Ng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy*;

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án; Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở xác định:

[2.1a] Ngày 30/8/2017, Công ty TNHH xây dựng TG do bị cáo Nguyễn Xuân L làm giám đốc được cấp phép mua 600kg thuốc nổ công nghiệp, loại nhũ tương của Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng thuộc Bộ Quốc phòng tại kho vật liệu nổ công nghiệp LH, huyện TB, tỉnh Ninh Thuận để thi công các tuyến đường PD-PT, huyện BA. Tuy nhiên sau khi mua về, Công ty của L chỉ sử dụng hết 114kg thuốc nổ, số thuốc nổ còn lại 486kg bị cáo L đã sử dụng xe bán tải vận chuyển trái phép từ công trường thi công tuyến PD-PT huyện BA đến gửi ở nhà Trần Thị Ng tại thôn QT 3, xã PM, huyện TN cất giấu.

[2.1b] Theo kết quả phân tích thành phần thuốc nổ tại Công văn số 432/CKHC13-CT ngày 23/01/2021 của Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí hoá chất 13 thuộc Tổng cục công nghiệp Quốc phòng phù hợp với kết luận giám định tại bản Kết luận giám định số 3092/C54B ngày 11/9/2017 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định toàn bộ

486kg thuốc nổ thu được của bị cáo Nguyễn Xuân L là loại thuốc nổ nhũ tương. Đây là loại thuốc nổ công nghiệp được Nhà nước quản lý rất chặt chẽ tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 và Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ cùng các văn bản pháp luật khác có liên quan. Theo quy định trước hết doanh nghiệp phải được Sở công thương cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, khi đã có giấy phép thì doanh nghiệp được phép mua thuốc nổ của Công ty sản xuất thuốc nổ, sau khi mua doanh nghiệp muốn vận chuyển thuốc nổ đến công trình thi công thì phải có đơn đăng ký vận chuyển thuốc nổ công nghiệp gửi đến Phòng Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an tỉnh xem xét, chỉ khi được cấp giấy phép vận chuyển thì mới được phép vận chuyển thuốc nổ theo lộ trình, tuyến đường, phương tiện, con người, thời gian, địa điểm nêu trong giấy phép. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định hành vi bị cáo Nguyễn Xuân L vận chuyển 486kg thuốc nổ trên từ Công trình thi công ở xã Phước Đại, huyện BA về cất tại nhà Trần Thị Ng mà không có giấy phép vận chuyển thuốc nổ của Phòng Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an tỉnh là hành vi vận chuyển trái phép thuốc nổ.

[2.1c] Đối với bị cáo Trần Thị Ng, mặc dù biết rõ số hàng của Nguyễn Xuân L gửi là thuốc nổ công nghiệp, nhưng bị cáo Ng vẫn đồng ý cất giữ trái phép 486kg thuốc nổ trên. Sau đó, Ng đã sử dụng xe đạp điện chở 232kg thuốc nổ sang cất giấu tại nhà Trần Thị N1, số còn lại 254kg thuốc nổ Ng cất giữ trái phép tại nhà mình, là hành vi tàng trữ trái phép thuốc nổ. Ngày 09/9/2017, Công an huyện TN đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở các đối tượng liên quan trên địa bàn thôn QT 3, xã PM, huyện TN, gồm: tại nhà của Trần Thị Ng phát hiện, thu giữ 254kg thuốc nổ; tại nhà của Trần Thị N1 phát hiện, thu giữ 232kg thuốc nổ.

[2.1d] Tại khoản 6 Điều 3 Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ có quy định Vật liệu nổ gồm thuốc nổ và phụ kiện nổ, phù hợp Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ: tại khoản 7 Điều 3 giải thích vật liệu nổ bao gồm: a) Thuốc nổ.... b) Phụ kiện nổ...; Như vậy, số thuốc nổ mà bị cáo L vận chuyển, bị cáo Ng tàng trữ, các bị cáo khác mua bán đó là vật liệu nổ.

[2.1đ] Từ những căn cứ và nhận định như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo L phạm tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” và bị cáo Ng phạm tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*” theo điểm a khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] *Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Xuân L, bị cáo Trần Thị Ng và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Xuân L và bị cáo Trần Thị Ng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy;*

[2.2a] Do đã có đủ chứng cứ xác định bị cáo Nguyễn Xuân L phạm tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” và bị cáo Ng phạm tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*” thuộc trường hợp “*Vật phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn*”. Hành



vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến những quy định độc quyền của Nhà nước về quản lý các loại vật liệu nổ, mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Thế nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo L 06 năm tù và xử phạt bị cáo Ng 05 năm tù là mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn tại khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, là nhẹ không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và không đúng quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[2.2b] Qua đó nhận thấy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Xuân L, bị cáo Trần Thị Ng là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2c] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Xuân L và bị cáo Trần Thị Ng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, áp dụng điểm a khoản 4 Điều 232, các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tăng hình phạt đối với bị cáo L và bị cáo Ng, xử phạt các bị cáo này mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, đủ đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[2.3] *Đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Lê Văn K và Nguyễn Thành D, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy;*

[2.3.1] Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo Nguyễn Văn Th1, bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Lê Văn K, bị cáo Nguyễn Thành D;

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Xét lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án; Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở xác định như sau:

+ *Đối với bị cáo Nguyễn Văn Th1:* Khoảng tháng 04/2016 đến tháng 9/2017, bị cáo Th1 đã nhiều lần mua của vợ chồng Nguyễn Văn T, Trần Thị Ng1 và vợ chồng Nguyễn Thành D, Trần Thị N1 với số lượng là 153,8kg thuốc nổ với giá từ 150.000đồng đến 200.000đồng/1kg để bán lại cho Trần Thị Tr, Lê Văn K với giá 280.000đồng/1kg, thu lợi bất chính với số tiền là 9.480.000đồng.

+ *Đối với bị cáo Nguyễn Văn T:* Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2017 đến ngày 08/9/2017, bị cáo T cùng vợ là Trần Thị Ng1 đã giao dịch mua bán thuốc nổ với Nguyễn Văn Th1 và Trần Thị Tr tổng cộng 13 lần với số lượng 111kg thuốc nổ. Tổng số lượng thuốc nổ T bán cho Th1 và Tr là 111kg, thu lợi bất chính 11.500.000 đồng.

+ *Đối với bị cáo Lê Văn K:* Khoảng tháng 7/2017, bị cáo K đã mua của Nguyễn Văn Th1 06 lần với số lượng là 57kg thuốc nổ, giá 300.000đồng/1kg. Trong đó Lê Văn K trực tiếp mua của Nguyễn Văn Th1 03 lần, tổng cộng 35kg thuốc nổ; mua của Nguyễn Thị Anh K1 03 lần, tổng cộng 22kg thuốc nổ. Sau

đó, K bán lại cho số ngư dân tại địa phương với giá là 480.000đồng/kg, hưởng lợi là 180.000đồng/kg. Tổng số tiền Lê Văn K thu lợi bất chính là 6.660.000đồng.

+ *Đối với bị cáo Nguyễn Thành D*: Khoảng từ tháng 4/2016 đến tháng 5/2017, bị cáo D đã bán cho Nguyễn Văn Th1 tổng cộng 52,8kg thuốc nổ, cụ thể: Tháng 4/2016 với số lượng là 2.8kg (*lần 1: 01kg giá 180.000đồng; lần 2: 01kg giá 160.000đồng; lần 3: 0,8kg giá 150.000đồng*); Từ tháng 02 đến tháng 5 năm 2017, Nguyễn Thành D bán cho Nguyễn Văn Th1 50kg. Trong đó, D trực tiếp bán cho Nguyễn Văn Th1 02 lần, tổng số lượng là 20kg, mỗi lần 10kg với giá là 200.000đồng/kg. Ngoài ra, D lấy trộm 30kg để N1 đi bán cho Nguyễn Văn Th1 (*trong đó có 20kg trả lại vì bị hư hỏng*). Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 4.460.000đồng.

Với các hành vi mua bán trái phép vật liệu nổ như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo điểm a khoản 3 Điều 232 và các bị cáo Lê Văn K, Nguyễn Thành D phạm tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.3.2] Về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Th1, bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Lê Văn K, bị cáo Nguyễn Thành D;

[2.3.2a] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, không những đã xâm phạm đến những quy định độc quyền của Nhà nước về quản lý các loại vật liệu nổ, mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương; các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Lê Văn K, Nguyễn Thành D thực hiện hành vi mua bán nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Lê Văn K, Nguyễn Thành D cũng đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự năn nỉ cải về hành vi phạm tội của mình, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[2.3.2b] Thêm nữa, vụ án xảy ra từ năm 2017, sau khi xét xử sơ thẩm tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HS-ST ngày 23/8/2018, bản án sơ thẩm đã bị kháng cáo và bị hủy theo Bản án phúc thẩm số 410/2020/HS-PT ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành D tạm giam đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm nhận thấy, bị cáo T và bị cáo D có thời gian tạm giam như vậy cũng đủ sức răn đe, và xem xét tính nguy hiểm không còn, nên xử phạt các bị cáo này mức án bằng thời gian tạm giam. Bị cáo Th1, trong thời gian tạm giam đã mắc chứng bệnh ung thư giai đoạn cuối hiện đang tại ngoại, bị cáo Lê Văn K bị tai nạn giao thông gây hai chân không đi lại được, Tòa án cấp sơ thẩm nhận thấy, không cần tiếp tục giam các bị cáo nên áp dụng tính chất nhân đạo của pháp luật, xử phạt bị cáo Th1 mức án bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam, xử phạt bị cáo K 03 (ba)

năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 21/4/2022).

[2.3.2c] Xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Lê Văn K và Nguyễn Thành D như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo theo quy định tại Điều 45 Bộ luật Hình sự. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Lê Văn K và Nguyễn Thành D là có căn cứ, đủ đảm bảo cải tạo giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[2.3.2d] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn T, Lê Văn K và Nguyễn Thành D; giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo này.

[2.4] *Đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Trần Thị Tr mua bán 10kg thuốc nổ là không đúng. Trong khi đó có nhiều căn cứ xác định như: Lời khai của các nhân chứng, người có liên quan, nhật ký các cuộc gọi đi và đến để liên hệ mua bán thuốc nổ do tập đoàn Viettel, VNPT cung cấp là đủ cơ sở chứng minh hành vi mua bán trái phép 78kg thuốc nổ của bị cáo Tr. Do đó, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Tr, xét xử bị cáo Tr về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo điểm a khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, như Bản án sơ thẩm số 12/2018/HS-PT ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy;*

[2.4a] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho rằng, theo lời khai của các bị cáo và người làm chứng, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2016 đến khoảng 8/2017, bị cáo Tr đã nhiều lần mua tổng cộng 78kg thuốc nổ với giá 280.000đồng/1kg. Cụ thể: Trần Thị Tr liên hệ với Nguyễn Văn Th1 mua 9 lần với số lượng 58kg thuốc nổ; mua Nguyễn Văn T 02 lần, tổng cộng 20kg thuốc nổ nhưng Tr không trực tiếp đi nhận mà đã thuê Nguyễn Văn H1 là người chạy taxi nhận thay 07 lần, tổng cộng 60kg, Trần Hữu Đ chạy xe ôm nhận thay 02 lần, tổng cộng 8kg, Lê Văn K nhận thay 02 lần/10kg, sau đó Tr trả tiền công vận chuyển.

[2.4b] Tuy nhiên, tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/11/2017, người làm chứng ông Nguyễn Văn H1 đã khai: “Tôi không quen biết Tr (Th) từ trước... Tôi biết Tr (Th) qua ông Nguyễn Văn Th1 (Ch).. hôm đó, ông Chín gọi điện thoại cho tôi... gặp Tr (Th) 01 lần tại ngã 3 CN...Tr (Th) đi xe máy ra gặp tôi, rồi đưa cho tôi 2.200.000 đồng nói: Gửi cho ông Ch. Tr (Th) bịt mặt nên tôi không nhận rõ. Từ đó trở đi tôi không gặp Tr (Th), cũng không liên lạc gọi điện gì... Tôi giao thuốc nổ cho ông Th1 tổng cộng 05 lần, ông Th1 không nói tôi giao cho ai, chỉ nói đến ngã 3 CN đợi rồi có người nhận. Lần 1 có một bé gái khoảng 15 tuổi ra nhận, 04 lần sau có một người phụ nữ khoảng 50 tuổi ra nhận

*hàng... khi giao nhận là thùng mì tôm không rõ chính xác số kg... Tôi cam kết không nhận chở thuốc nổ cho Tr (Th) chỉ 05 lần chở cho ông Th1” (BL 757, 758). Đồng thời, lời khai của những nhân chứng ông Trần Hữu Đ (BL 839-840), ông Đại có khai 6 lần nhận chở hàng cho khách nhưng không rõ là ai, hàng đựng trong thùng bia Sài Gòn nhưng không biết trong đó là gì, khối lượng là bao nhiêu. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Lê Văn K khai có nhận chở cho Tr nhưng không rõ số lượng (BL 705-706); hơn nữa, khi đối chất giữa bị cáo K và bị cáo Th1 thì không thống nhất số lần và khối lượng thuốc nổ bị cáo Th1 giao cho bị cáo K chở thuê cho bị cáo Tr (BL 715-716). Nhật ký các cuộc gọi đi và đến để liên hệ mua bán thuốc nổ do tập đoàn Viettel, VNPT cung cấp cũng không thể hiện bị cáo Tr đã mua bán trái phép 78kg thuốc nổ.*

Với các tài liệu chứng cứ như trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là không đủ căn cứ xác định bị cáo Tr đã mua bán trái phép 78kg thuốc nổ. Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Thị Tr khai nhận, vào tháng 7/2016, bị cáo chỉ mua thuốc nổ của Nguyễn Văn Th1 02 lần (mỗi lần 05kg) với tổng số 10kg; bị cáo Tr không thừa nhận đã mua bán 68kg thuốc nổ còn lại. Như vậy, chỉ có đủ chứng cứ để xác định bị cáo Tr mua bán 10kg thuốc nổ. Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Trần Thị Tr phạm tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Tr 01 (một) năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đủ đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[2.4c] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Tr, xét xử bị cáo Tr về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo điểm a khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[2.4d] *Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Thị Tr, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Trần Thị Tr phạm tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Tr 01 (một) năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đủ đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Tr, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không có tình tiết nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Tr; giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Tr.

[3] Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng và Trần Thị Tr.

Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-P2 ngày 26/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận theo hướng, tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Xuân L và bị cáo Trần Thị Ng, như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm. Những ý kiến quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận do chỉ phù hợp về phần này nên chỉ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần.

[4] Những ý kiến, quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng tại phiên tòa phúc thẩm do không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng và Trần Thị Tr phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

**1-** Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng và Trần Thị Tr; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-P2 ngày 26/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân L phạm tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*”; bị cáo Trần Thị Ng phạm tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*”, các bị cáo Nguyễn Văn Th1 (tên gọi khác: Ch), Nguyễn Văn T, Trần Thị Tr (tên gọi khác: Th), Lê Văn K và Nguyễn Thành D phạm tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 232, các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Xuân L 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/10/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Xuân L trong thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 232, các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Ng 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án; được trừ vào thời hạn tam giam từ ngày 09/9/2017 đến ngày 09/9/2022.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 232, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Th1 (tên gọi khác: Chín) 03 (ba) năm 01 tháng 27 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2017.

1.4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 232, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm 07 tháng 12 ngày tù Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2017. Trả tự do cho bị cáo T.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành D 04 (bốn) năm 04 tháng 15 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2017. Trả tự do cho bị cáo D.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn K 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án (ngày 21/4/2022).

Giao bị cáo Lê Văn K về Ủy ban nhân dân xã CN, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận tiếp tục giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.7. Áp dụng khoản 1 Điều 232, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Tr (tên gọi khác: Th) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

**2- Án phí hình sự phúc thẩm:** Các bị cáo Nguyễn Xuân L, Trần Thị Ng và Trần Thị Tr, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

**3- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 25 tháng 5 năm 2023./.

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Văn Ý**

**Phạm Văn Công**

**Đỗ Đình Thanh**